

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2021/HNGĐ – TLST ngày 23/4/2021, về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2021/QĐ-ST ngày 27/7/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Văn Th, sinh ngày 12/10/1982.

Địa chỉ : thôn Qua B, xã Liên H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 13/8/1991.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : Thôn Qua B, xã Liên H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Q, SN 1971.

Địa chỉ: thôn Qua B, xã Liên H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Mai Văn Th trình bày: Anh và chị Lê Thị T tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện L (nay là Thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 06/8/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm, mâu thuẫn về tình cảm, chị T đã từng làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện L. Nhưng khi đó do các con còn nhỏ nên anh đã không ký vào đơn ly hôn, do vậy chị T đã rút đơn ly hôn. Năm 2018 chị T đi Nhật Bản lao động, từ khi đi đến nay chị T chưa về Việt Nam lần nào, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Mai Trung K, sinh ngày 19/7/2011, Mai Thế Ph, sinh ngày 27/10/2013 và Mai Thế Q, sinh ngày 09/9/2015. Ly hôn hai bên thỏa thuận, anh nuôi cháu K và cháu Ph còn chị T nuôi cháu Q. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại cháu Q đang ở với bà ngoại là bà Mai Thị Q, trong thời gian chị T không ở Việt Nam anh đồng ý để cháu Q sống cùng bà ngoại.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh Th không cung cấp được địa chỉ của chị T ở Nhật Bản nên Tòa án đã xác minh tại gia đình chị T. Bà Mai Thị Q là mẹ đẻ chị T cho biết, chị T đi Nhật Bản lao động từ năm 2018, nhưng bà không biết địa chỉ của chị T nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị T hàng ngày vẫn gọi điện về cho bà. Trong cuộc sống vợ chồng, anh Th và chị T sống không hạnh phúc, năm 2017 chị T từng làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện L, nhưng do anh Th gây khó khăn nên Tòa án chưa giải quyết. Bà Q đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị T biết. Thông qua gia đình chị T có quan điểm; Về tình cảm vợ chồng chị đồng ý ly hôn; Về con chung chị đồng ý để anh Th nuôi cháu K và cháu Ph, còn chị nuôi cháu Q, đồng thời ủy quyền cho bà Q chăm sóc cháu Q trong thời gian chị không ở Việt Nam. Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Cháu Mai Trung K và cháu Mai Thế Ph là con chung của anh Th chị T có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Th và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Th được ly hôn chị T. Về con chung: Giao cháu Mai Trung K, sinh ngày 19/7/2011 và cháu Mai Thế Ph, sinh ngày 27/10/2013 cho anh Th chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Mai Thế Q, sinh ngày 09/9/2015 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Q cho bà Mai Thị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp

dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không cung cấp được địa chỉ của chị T ở Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã 2 lần yêu cầu gia đình của chị T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Mai Thị Q để bà Q thông báo cho chị T biết đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Thông qua gia đình chị T có quan điểm đồng ý ly hôn và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà Mai Thị Q đồng ý nhận sự ủy quyền của chị T về việc chăm sóc cháu Q. Trong quá trình giải quyết bà Q, anh Th đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung.

*2.1 Về quan hệ hôn nhân:* Anh Mai Văn Th và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện L (nay là Thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 06/8/2010, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm, đến năm 2017 hai bên xảy ra mâu thuẫn, chị T đã từng làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện L, nhưng chưa được giải quyết. Năm 2018 chị T đi nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc dẫn đến vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình chị T cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Th. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh Th và chị T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th.

*2.2 Về con chung:* Anh Mai Văn Th và chị Lê Thị T có ba con chung là Mai Trung K, sinh ngày 19/7/2011, Mai Thế Ph, sinh ngày 27/10/2013 và Mai Thế Q, sinh ngày 09/9/2015. Ly hôn hai bên thỏa thuận, anh Th nuôi cháu K và cháu Ph, chị T nuôi cháu Q. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với nguyện vọng của các con. Bà Q cũng đồng ý chăm sóc cháu Q trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Do vậy có căn cứ giao cháu P, cháu K cho anh Th nuôi dưỡng, giao cháu Q cho chị T nuôi

dưỡng. Trong thời gian chị T không có ở Việt Nam, tạm giao cháu Q cho bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung: Các bên xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Mai Văn Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mai Văn Th được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Mai Trung K, sinh ngày 19/7/2011 và Mai Thế Ph, sinh ngày 27/10/2013 cho anh Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu K, cháu Ph tròn 18 tuổi. Giao con chung Mai Thế Q, sinh ngày 09/9/2015 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị T không ở Việt Nam, tạm giao cháu Q cho bà Mai Thị Q chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Th, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mai Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005951 ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Mai Văn Th, bà Mai Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Liên H
- Lưu hồ sơ.

### **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**

